

Vietnam Daily Review

Thị trường hồi phục nhẹ

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 16/3/2022		•	
Tuần 14/3-18/3/2022		•	
Tháng 3/2022		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Sau phiên điều chỉnh hôm qua, thị trường giảm nhẹ trong cả phiên giao dịch hôm nay nhưng đã hồi phục nhẹ vào cuối phiên. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 15/19 ngành tăng điểm. Tuy thị trường hồi phục nhẹ nhưng thanh khoản suy yếu kèm theo tín hiệu FED tăng lãi suất vào ngày thứ 5 vẫn đang tạo nên tâm lý cẩn trọng trên thị trường. Về giao dịch khối ngoại, khối này bán ròng trên cả 2 sàn HSX và HNX.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL vận động trái chiều khi chỉ số VN30 tăng nhẹ. Các nhà đầu tư có thể xem xét mua HĐ ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 15/03/2022, phần lớn các chứng quyền phân hóa theo xu hướng vận động của cổ phiếu cơ sở.

Phân tích kỹ thuật (trang 3): HBC_Tín hiệu tích cực

Điểm nhấn:

- VN-Index **+6.49** điểm, đóng cửa **1452.74** điểm. HNX-Index **+6.95** điểm, đóng cửa **443.52** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **MSN (+1.54)**, **BID (+1.04)**, **VPB (+1.03)**, **GAS (+0.98)**, **GVR (+0.51)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VCB (-3.56)**, **SAB (-0.43)**, **FPT (-0.18)**, **PDR (-0.15)**, **VRE (-0.14)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **20.458** tỷ đồng, giảm **-20.13%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 21.801 tỷ đồng.
- Biên độ dao động 15.8 điểm. Thị trường có **272** mã tăng, 52 mã tham chiếu và **166** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-433.26** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **HPG (-115.82 tỷ)**, **VIC (-95.07 tỷ)**, **VCB (-95.05 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-3.26** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thành Long
longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa
khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung
trunglq@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
thaopt1@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh
anhvv@bsc.com.vn

VN-INDEX **1452.74**
Giá trị: 20458.3 tỷ **6.49 (0.45%)**
Khối ngoại (ròng): -433.26 tỷ

HNX-INDEX **443.52**
Giá trị: 2765.73 tỷ **6.95 (1.59%)**
Khối ngoại (ròng): -3.26 tỷ

UPCOM-INDEX **115.56**
Giá trị: 1454.58 tỷ **0.51 (0.44%)**
Khối ngoại(ròng): 10.86 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	97.0	-5.86%
Giá vàng	1,933	-0.94%
Tỷ giá USD/VND	22,894	0.04%
Tỷ giá EUR/VND	25,175	0.54%
Tỷ giá JPY/VND	19,433	0.37%
LS liên NH 1 tháng	2.5%	3.73%
LS TPCP 5 năm	1.7%	0.00%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
STB	123.6	HPG	-115.8
VPB	67.4	SSI	-73.9
VJC	65.2	DXG	-64.0
DPM	49.0	FUEVFN	-39.9
DIG	39.7	VHM	-91.2
Nguồn: BSC Research			

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Tín hiệu hàng hóa	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Khuyến nghị dài hạn	Trang 8
Báo cáo mới nhất	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 15/03

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	97.85	-5.01%	-20.90%	10.50%	65.68%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	101.58	-4.98%	-20.60%	9.70%	74.24%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	UScent/gallon	303.06	-4.36%	-17.70%	8.60%	58.47%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1931.09	-1.01%	-5.80%	3.90%	11.46%		PNJ
Bạc	USD/ounce	24.76	-1.12%	-6.20%	5.00%	-1.18%		PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	1648.25	-1.33%	-2.50%	4.60%	36.02%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	1117.25	1.92%	-13.20%	43.50%	73.96%		AFX
Sữa	USD /cwt	23.99	0.38%	-2.30%	6.40%	39.07%	VNM, GTN	KDC
Cao su*	JPY/kg	206.96	1.48%	-1.50%	-5.30%		DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	19.13	-0.57%	-0.70%	6.40%	26.44%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	US cent/lb	218.80	-1.42%	-2.40%	-15.30%	55.40%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD /ton	9935.00	-2.44%	-3.40%	-3.10%	8.64%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép*	USD/ton	745.94	-0.91%	-5.40%	-4.90%		HSG, HPG	PC1, CTD
Thép HRC*	USD/ton	774.78	-2.05%	-6.50%	-3.60%			
Nhôm	USD/ton	3319.50	-4.69%	-11.20%	2.10%	49.66%		CAV, SAM
Quặng sắt*	USD/ton	119.57	-3.96%	-10.60%	-8.80%		HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	310.05	-8.07%	-25.50%	86.40%	266.49%	HLC, NBC	HT1, BCC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Giá dầu giảm hơn 5% trong phiên đầu tuần, xuống mức thấp nhất trong gần 2 tuần, giữa bối cảnh nhà đầu tư kỳ vọng về tiến triển ngoại giao cho cuộc xung đột Nga – Ukraine, điều được kỳ vọng sẽ thúc đẩy nguồn cung gia tăng trên toàn cầu, trong khi đại dịch và chính sách cấm đi du lịch ở Trung Quốc gây nghi ngờ về triển vọng nhu cầu xăng dầu.
- Giá dầu Brent kết thúc phiên giảm 5.77 USD, tương đương 5.1%, xuống 106.90 USD/thùng, trong khi dầu Tây Texas Mỹ (WTI) giảm 632 USD, tương đương 5.8%, xuống 103.01 USD.

Giá vàng

- Nhu cầu trú ẩn an toàn đã giảm bớt khi giới đầu tư kỳ vọng vào cuộc đàm phán hòa bình giữa Nga và Ukraine cũng khiến giá vàng giao ngay giảm 1.4% xuống 1,95757 USD/ounce; vàng kỳ hạn tháng 4 giảm 1.2% xuống 1960.80 USD.

Giá sắt thép

- Thép cây, dùng xây dựng, giao tháng 5, trên Sàn giao dịch kỳ hạn Thượng Hải kết thúc phiên giao dịch giảm hơn 4.1% xuống 4,695 nhân dân tệ (738.78 USD)/tấn, sau khi có thời điểm chạm mức 4,693 nhân dân tệ, mức thấp nhất kể từ ngày 28 tháng 2.
- Thép cuộn cán nóng giảm 3.5% xuống 4,950 nhân dân tệ/tấn, trong phiên có lúc xuống 4,945 nhân dân tệ, thấp nhất kể từ ngày 1 tháng 3.
- Giá quặng sắt kỳ hạn tháng 5 trên Sàn giao dịch Hàng hóa Đại Liên giảm 7% xuống 759.50 nhân dân tệ/tấn; quặng sắt giao ngay tháng 4 trên Sàn giao dịch Singapore giảm 8.8% xuống 143.80 USD/tấn.

Giá cao su

- Cao su kỳ hạn tháng 8 trên sàn Osaka kết thúc phiên giảm 3.5 yên, tương đương 1.4%, xuống 240.6 yên (2.04 USD)/kg.Cao su kỳ hạn tháng 5 trên sàn Thượng Hải giảm 445 nhân dân tệ xuống 13.455 nhân dân tệ (2,116.20 USD)/tấn. Đầu phiên, có thời điểm giá giảm 3.3%, đánh dấu mức giảm tính theo tỷ lệ phần trăm lớn nhất kể từ ngày 22 tháng 10.
- Giá cao su tại Nhật Bản giảm theo xu hướng giá cao su ở Thượng Hải giữa bối cảnh giá dầu lao dốc làm giảm sức hấp dẫn của mặt hàng này và không khuyến khích các nhà sử dụng chuyển từ cao su tổng hợp - có nguồn gốc từ dầu mỏ - sang cao su tự nhiên.

Giá nông sản

- Giá cà phê Arabica giao tháng 5 giảm 3.15 cent, tương đương 1.4%, trong phiên vừa qua, xuống 2.188 USD/lb, trong phiên có lúc chạm mức thấp nhất kể từ giữa tháng 11, là 2.805 USD trong bối cảnh lo ngại về nhu cầu. Trái với Arabica, giá cà phê Robusta giao tháng 5 tăng 0.9% lên 2,115 USD/tấn.
- Giá đường thô giảm theo xu hướng đi xuống của giá dầu. Theo đó, đường thô kỳ hạn tháng 5 giảm 0.11%, tương đương 0.6% xuống 19.13 cent/lb.Giá đường trắng kỳ hạn giao tháng 5 phiên này cũng giảm 0.4% xuống 528 USD/tấn.

	15/3	% 15/3	14/3	% 14/3	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	1452.74	0.45%	1446.25	-1.38%	-1.42%	-3.26%
S&P 500			4173.11	-0.74%	-0.67%	-9.03%
HĐTL S&P500	4145.25	-0.44%	4163.50	-0.69%	-0.37%	-7.72%
Shang- hai	3063.97	-4.95%	3223.53	-2.60%	-6.97%	-11.52%
Euro Stoxx	3675.89	-1.74%	3741.10	1.47%	4.87%	-11.54%

BSC

Phân tích kỹ thuật
HBC_Tin hiệu tích cực

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tích cực
- Chỉ báo xu hướng MACD: MACD ở trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: xu hướng tăng

Nhận định: HBC có một phiên tăng điểm tốt khi hình thành mẫu hình nến Marubozu gần như hoàn hảo cùng khối lượng tăng đột biến. Thanh khoản cổ phiếu vượt ngưỡng trung bình 20 phiên. Chỉ báo MACD và chỉ báo RSI cho thấy xu hướng tích cực. Đường giá cổ phiếu đã nằm trên đường MA20 tuy nhiên vẫn ở dưới đường MA50, MA20 vẫn đang ở dưới MA50. Nhà đầu tư trung hạn có thể mở vị thế tại ngưỡng 28.2, chốt lãi tại ngưỡng 33.0 và cắt lỗ nếu cổ phiếu giảm xuống dưới ngưỡng 26.0.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

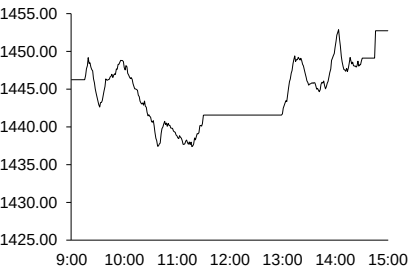
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Viễn thông	3.21%
Xây dựng và Vật liệu	2.63%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	1.63%
Hàng cá nhân & Gia dụng	1.56%
Du lịch và Giải trí	1.06%
Thực phẩm và đồ uống	0.95%
Ô tô và phụ tùng	0.84%
Dịch vụ tài chính	0.80%
Hóa chất	0.62%
Dầu khí	0.58%
Bất động sản	0.56%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.55%
Tài nguyên Cơ bản	0.35%
Bảo hiểm	0.11%
Y tế	0.07%
Ngân hàng	-0.16%
Bán lẻ	-0.28%
Công nghệ Thông tin	-0.49%
Truyền thông	-1.63%

Hình 1

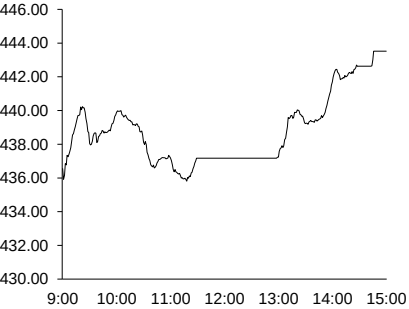
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
14/3/22	FCN	24.5	28.5	22.5	26.25	1	7.14%	Có thể giữ nguyên vị thế
10/3/2022	ITD	16.9	20	15	16.3	5	-3.55%	Có thể tiếp tục mua
3/3/2022	VSC	44.4	50.5	42.5	44	12	-0.90%	Có thể tiếp tục mua
28/2/22	HSG	38.35	46.9	35.2	37.2	15	-3.00%	Có thể giữ nguyên vị thế
24/2/22	PVB	23.5	28	21.5	23.1	19	-1.70%	Có thể giữ nguyên vị thế
23/2/22	PVT	24.8	31.8	23	25.5	20	2.82%	Có thể giữ nguyên vị thế
18/2/22	G36	19.8	25.2	17	20.4	25	3.03%	Có thể tiếp tục mua
15/2/22	PAC	38.5	41.25	36.5	37.2	28	-3.38%	Có thể giữ nguyên vị thế
8/2/2022	HPG	45.55	55	42	46.15	35	1.32%	Có thể giữ nguyên vị thế
19/1/22	PHR	79.1	95.1	74	75.6	55	-4.42%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt				(**) Tiệm cận giá mục tiêu		

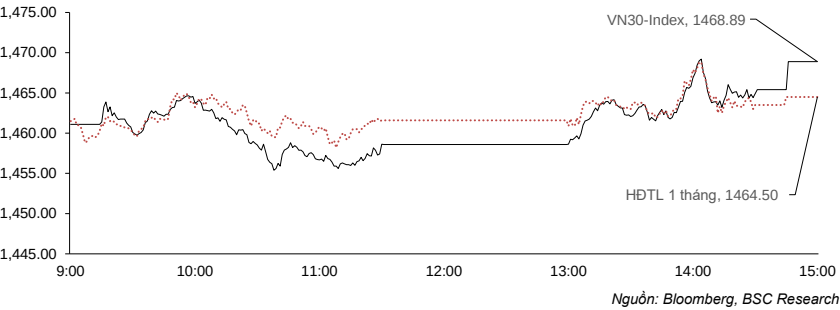
Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
9/3/2022	HAX	35.95	41.4	33.5	SL	5	-6.82%
5/3/2022	ITC	19.1	22.7	17.5	SL	9	-8.38%
4/3/2022	DPG	69.3	82	63.9	TP	7	18.33%
1/3/2022	GVR	35.7	40.5	34	SL	13	-4.76%
25/2/22	VGTT	27	33	25	SL	17	-7.41%
22/2/22	CTD	96.1	110	93	SL	8	-3.23%
21/2/22	HBC	28.9	35	27.1	SL	9	-6.23%
17/2/22	DGC	147	168	141.5	TP	8	14.29%
16/2/22	LCG	20.3	23.2	19.3	SL	9	-4.93%
14/2/22	ASM	16.1	18	15	TP	7	11.80%
10/2/2022	TVS	47.7	55.3	44	SL	32	-7.76%
9/2/2022	SMC	40.35	47.2	38.5	SL	5	-4.58%
Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất				TP - Đã chốt lời SL - Đã cắt lỗ		FS - Đóng vị thế sớm	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Nắm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	4	6	3.58%	-2.83%	-0.26%	24
Cổ phiếu đã chốt	4	6	3.58%	-2.83%	-0.26%	24

Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4
VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2203	1464.50	0.08%	-4.39	-8.1%	144,871	3/17/2022	4
VN30F2204	1463.00		-5.89	65.2%	5,127	4/21/2022	39
VN30F2206	1457.50	-0.05%	-11.39	-64.3%	70	6/16/2022	95
VN30F2209	1460.90	0.06%	-7.99	-62.6%	49	9/15/2022	186

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

• VN30 tăng 7.79 điểm lên 1468.89 điểm. Các cổ phiếu như VPB, MSN, PNJ, HPG, VJC đã tác động tiêu cực đến vận động của VN30. VVN30 hồi phục nhẹ trong phiên giao dịch hôm nay, nhưng xu hướng vận động vẫn chưa rõ ràng. Các nhà đầu tư nên giao dịch thận trọng.

• Các HĐTL vận động trái chiều khi chỉ số VN30 tăng nhẹ. Xét về KLGD, các HĐ đều giảm trừ VN30F2204. Xét về vị thế mở, VN30F2206 và VN30F2209 giảm, hai HĐ còn lại tăng mạnh. Điểm số tăng và lượng hợp đồng mở tăng cho thấy xu hướng vận động theo chiều long. Các nhà đầu tư có thể xem xét mua HĐ ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CTPB2101	4/6/2022	22	3.7:1	45,600	41.35%	2,500	2,260	25.56%	1,633	1.38	43,397	33,333	39,900
CPNJ2201	9/20/2022	189	8:1	322,700	32.33%	2,300	2,550	15.91%	1,466	1.74	113,980	95,500	102,900
CMSN2104	5/4/2022	50	9.98:1	374,300	37.59%	5,200	2,670	11.25%	2,030	1.32	119,147	0	141,100
CSTB2112	5/24/2022	70	1:1	43,500	37.56%	3,800	3,750	10.29%	3,050	1.23	32,180	31,000	32,700
CVPB2111	4/20/2022	36	4:1	313,300	32.01%	2,300	1,620	8.00%	684	2.37	36,680	34,000	36,900
CVPB2111	4/20/2022	36	4:1	313,300	32.01%	2,300	1,620	8.00%	684	2.37	36,680	34,000	36,900
CVJC2103	4/27/2022	43	20:1	292,300	25.68%	1,500	1,120	7.69%	814	1.38	146,799	129,999	148,000
CMWG2114	4/20/2022	36	12:1	17,100	30.57%	2,600	890	5.95%	520	1.71	158,800	130,000	131,400
CVRE2110	4/27/2022	43	8:1	61,900	37.51%	1,000	630	5.00%	363	1.74	35,439	29,999	31,750
CVRE2110	4/27/2022	43	8:1	61,900	37.51%	1,000	630	5.00%	363	1.74	35,439	29,999	31,750
CVPB2201	9/20/2022	189	5:1	195,600	32.01%	1,300	1,370	4.58%	647	2.12	37,450	37,000	36,900
CSTB2201	9/21/2022	190	5:1	518,100	37.56%	1,500	1,630	3.82%	1,051	1.55	37,138	29,888	32,700
CSTB2110	4/27/2022	43	8:1	339,000	37.56%	1,000	600	3.45%	410	1.46	38,479	29,999	32,700
CSTB2202	9/20/2022	189	2:1	64,800	37.56%	2,700	3,600	1.69%	2,728	1.32	30,100	29,500	32,700
CTCB2105	5/4/2022	50	5:1	156,500	30.06%	3,600	1,410	0.71%	899	1.57	47,450	45,000	48,600
CMWG2111	4/8/2022	24	10:1	338,900	30.57%	1,900	720	0.00%	522	1.38	140,000	130,000	131,400
CVRE2105	5/4/2022	50	5:1	197,500	37.51%	1,200	890	-1.11%	605	1.47	30,150	30,000	31,750
CVRE2105	5/4/2022	50	5:1	197,500	37.51%	1,200	890	-1.11%	605	1.47	30,150	30,000	31,750
CMBB2201	9/20/2022	189	2:1	87,000	30.31%	2,700	3,220	-1.53%	2,142	1.50	33,500	29,500	31,600
CPDR2103	4/27/2022	43	16:1	853,500	31.46%	1,200	400	-28.57%	210	1.91	215,288	88,888	86,300
Tổng				4,748,700	34.08%**								

Chú thích: Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
**Trung bình độ lệch chuẩn

CR: Tỷ lệ chuyển đổi
Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn
*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

Nhận định:

• Trong phiên giao dịch ngày 15/03/2022, phần lớn các chứng quyền phân hóa theo xu hướng vận động của cổ phiếu cơ sở.

• CVRE2201 và CVHM2113 có mức tăng trưởng tốt nhất, lần lượt 42.86% và 25.56%. Giá trị giao dịch giảm nhẹ -20.77%. CVRE2201 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 15.99% thị trường.

• CMWG2104, CVJC2103, CPNJ2201, và CTPB2101 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CMWG2114, CVRE2201, CVRE2110, và CMBB2109 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CMWG2104, CMSN2104, và CTPB2101 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	131.4	-0.2%	0.6	4,072	5.7	6,936	18.9	4.6	49.0%	27.3%
PNJ	Bán lẻ	102.9	4.5%	0.7	1,017	3.6	4,543	22.7	3.9	48.5%	18.3%
BVH	Bảo hiểm	55.1	0.0%	1.3	1,778	1.8	2,501	22.0	1.9	26.4%	9.0%
PVI	Bảo hiểm	49.7	0.2%	0.5	506	0.1	3,543	14.0	1.5	57.9%	10.9%
VIC	Bất động sản	78.3	0.0%	0.6	12,984	9.2	(759)	N/A	N/A	3.0	12.8%
VRE	Bất động sản	31.8	-0.8%	1.1	3,137	4.5	578	54.9	2.4	29.9%	4.4%
VHM	Bất động sản	74.5	0.0%	1.1	14,104	13.4	9,048	8.2	2.5	23.8%	36.4%
DXG	Bất động sản	40.2	0.6%	1.3	1,040	14.8	1,942		2.7	31.1%	15.5%
SSI	Chứng khoán	43.3	0.2%	1.6	1,869	14.7	2,768	15.6	3.0	38.1%	22.5%
VCI	Chứng khoán	58.2	-0.5%	1.0	843	5.0	4,512	12.9	3.0	20.5%	27.1%
HCM	Chứng khoán	34.8	0.0%	1.6	692	4.8	2,805	12.4	2.2	43.5%	19.5%
FPT	Công nghệ	91.0	-0.9%	1.0	3,591	7.4	4,792	19.0	4.6	49.0%	25.8%
FOX	Công nghệ	72.0	0.7%	0.4	1,028	0.0	4,304	16.7	5.0	0.0%	30.0%
GAS	Dầu khí	108.0	1.9%	1.2	8,987	4.4	4,381	24.7	4.0	2.8%	17.4%
PLX	Dầu khí	56.0	0.2%	1.5	3,094	6.3	2,337	24.0	2.8	17.0%	12.3%
PVS	Dầu khí	35.2	1.1%	1.7	731	24.1	1,260	27.9	1.4	9.0%	5.0%
BSR	Dầu khí	25.7	-0.4%	0.8	3,464	13.3	(909)		2.6	41.1%	-8.7%
DHG	Dược	108.7	-0.5%	0.3	618	0.2	5,720	19.0	3.7	54.2%	20.3%
DPM	Hóa chất	62.3	0.8%	0.9	1,060	21.0	7,914	7.9	2.3	9.3%	33.5%
DCM	Hóa chất	42.8	-1.0%	0.7	985	20.9	3,313	12.9	3.0	6.5%	25.3%
VCB	Ngân hàng	81.1	-3.7%	1.0	16,687	8.5	5,005	16.2	3.5	23.6%	21.4%
BID	Ngân hàng	42.1	1.9%	1.2	9,259	2.7	2,090	20.1	2.6	16.8%	13.2%
CTG	Ngân hàng	32.0	0.2%	1.5	6,676	5.1	2,940	10.9	1.7	25.7%	15.9%
VPB	Ngân hàng	36.9	2.5%	1.2	7,132	18.4	2,667	13.8	2.1	17.5%	18.0%
MBB	Ngân hàng	31.6	-0.2%	1.2	5,191	12.0	3,362	9.4	2.0	23.2%	23.6%
ACB	Ngân hàng	32.8	0.3%	1.1	3,853	3.9	3,554	9.2	2.0	30.0%	23.9%
BMP	Nhựa	60.0	1.7%	0.6	214	0.1	2,618	22.9	2.1	85.2%	9.0%
NTP	Nhựa	65.0	9.4%	0.4	333	1.5	3,951	16.5	2.8	17.9%	17.6%
MSR	Tài nguyên	30.1	-2.0%	1.1	1,438	1.6	39	771.8	2.4	10.1%	0.3%
HPG	Thép	46.2	0.8%	1.2	8,975	41.7	7,708	6.0	2.3	22.4%	46.1%
HSG	Thép	37.2	-2.1%	1.4	798	21.0	8,581	4.3	1.6	7.0%	45.9%
VNM	Tiêu dùng	77.2	0.0%	0.6	7,015	5.0	4,518	17.1	4.9	54.2%	29.3%
SAB	Tiêu dùng	151.3	-1.8%	0.8	4,219	0.9	5,663	26.7	4.6	62.6%	17.9%
MSN	Tiêu dùng	141.1	3.7%	1.0	7,242	6.1	7,257	19.4	5.1	28.7%	35.1%
SBT	Tiêu dùng	23.0	0.0%	1.3	629	4.2	1,135	20.3	1.7	7.6%	8.7%
ACV	Vận tải	89.0	-0.6%	0.8	8,424	0.2	577	154.2	5.2	3.8%	3.4%
VJC	Vận tải	148.0	2.1%	1.1	3,485	9.0	2,271		4.7	16.6%	7.7%
HVN	Vận tải	26.2	0.0%	1.7	2,518	3.8	(6,523)		24.2	6.1%	-267.4%
GMD	Vận tải	52.4	1.0%	1.0	687	9.2	1,846	28.4	2.5	43.5%	9.1%
PVT	Vận tải	25.5	3.4%	1.3	359	6.0	2,066	12.3	1.6	9.9%	13.3%
VCS	Vật liệu xây dựng	109.7	1.6%	0.7	763	0.2	10,538	10.4	3.6	3.7%	40.6%
VGC	Vật liệu xây dựng	50.6	2.3%	0.3	986	1.2	2,729	18.5	3.2	3.9%	18.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	24.5	0.4%	1.0	406	3.0	969	25.3	1.8	1.9%	7.0%
CTD	Xây dựng	87.4	1.5%	1.0	281	4.2	310	281.5	0.8	46.1%	0.3%
CII	Xây dựng	30.5	5.0%	1.0	321	6.3	(1,434)	N/A	N/A	1.5	10.4%
REE	Điện	72.0	-1.2%	-1.4	967	0.8	6,002	12.0	1.7	49.0%	15.0%
PC1	Điện	44.1	-2.9%	-0.4	451	5.2	2,997	14.7	2.2	5.3%	15.9%
POW	Điện	16.4	4.8%	0.6	1,670	9.3	759	21.6	1.3	2.2%	6.1%
NT2	Điện	22.6	0.4%	0.6	283	0.4	1,778	12.7	1.5	13.8%	12.0%
KBC	Khu công nghiệp	52.4	3.4%	1.2	1,298	13.8	1,593	32.9	2.2	17.9%	6.7%
BCM	Khu công nghiệp	72.5	3%	1.0	3,263	0.7			4.8	2.5%	

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
MSN	141.10	3.67	1.52	1.02MLN
VPB	36.90	2.50	1.04	11.63MLN
GAS	108.00	1.89	0.98	967000
BID	42.10	1.94	0.83	1.52MLN
GVR	33.85	1.50	0.51	980100

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
VCB	0.00	-3.76	2.39MLN	1.11MLN
SAB	0.00	-0.44	138100	607060
FPT	0.00	-0.19	1.87MLN	373600
PDR	0.00	-0.15	3.33MLN	192700
VRE	0.00	-0.15	3.27MLN	611640

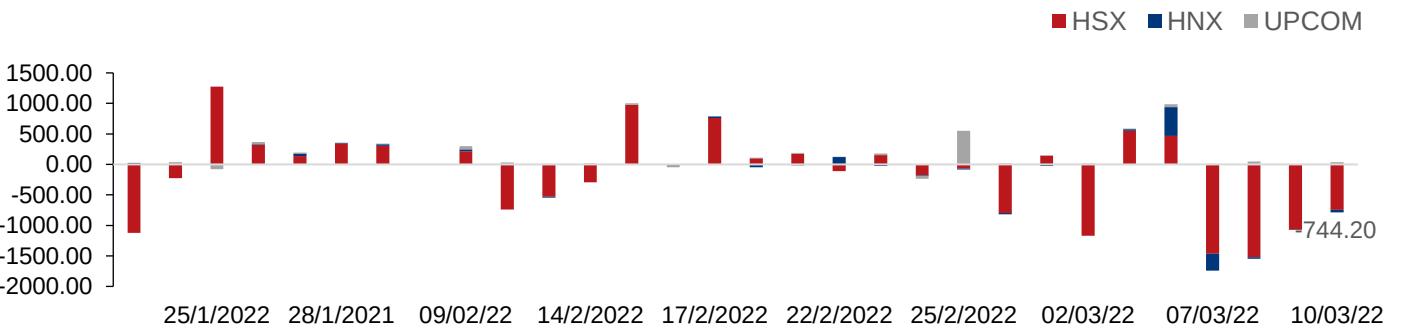
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HUB	36.05	6.97	0.01	68200.00
NVT	16.90	6.96	0.03	17100
FCN	26.25	6.92	0.07	7.06MLN
CTI	24.80	6.90	0.03	2.45MLN
EMC	22.60	6.86	0.01	10100

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SFG	19.30	-6.99	-0.02	159100
AAM	16.10	-6.94	0.00	34700
TTE	16.10	-6.94	-0.01	3000.00
PMG	18.25	-6.89	-0.02	6300
VAF	17.70	-6.84	-0.01	3500

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tài báo cáo
1	AGG	Bất động sản	Mua	19/05/21	62.1	N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	Click
2	ANV	Thủy sản	Mua	27/06/21	32.4	38.7	41.5	1,006	41.3	2.3	Click
3	BMI	Bảo hiểm	Mua	8/2/22	36.8	45.0	38.7	1,968	19.7	1.9	Click
4	BSR	Dầu khí	Mua	4/11/21	24.5	28.4	25.7	-909	#N/A N/A	2.6	Click
5	CEO	Bất động sản	Theo dõi	7/6/21	10.8	N/A	69.0	362	190.6	5.9	Click
6	CTD	Xây dựng	Mua	6/12/21	77.0	97.9	87.4	310	281.5	0.8	Click
7	DBC	Tiêu dùng bán lẻ	Theo dõi	16/9/21	62.9	69.6	73.7	7,200	10.2	1.8	Click
8	DCM	Bán lẻ	Mua	1/4/21	17.5	21.1	42.8	3,313	12.9	3.0	Click
9	DGC	Hóa chất	Mua	27/7/21	96.5	115.0	178.7	13,122	13.6	5.0	Click
10	DPG	Bất động sản	KQ	10/6/21	39.3	N/A	79.5	5,715	13.9	3.7	Click
11	DRC	Săm lốp	Mua	18/5/21	26.2	32.8	32.1	2,448	13.1	2.1	Click
12	DXG	Bất động sản	Mua	10/5/21	23.4	30.2	40.2	1,942	20.7	2.7	Click
13	ELC	CNTT	Mua	2/11/21	28.5	33.1	25.4	949	26.7	1.5	Click
14	EVE	Dệt may	Mua	1/12/21	18.4	N/A	17.0	1,454	11.7	0.7	Click
15	FPT	CNTT	KQ	18/8/21	93.8	107.0	91.0	4,792	19.0	4.6	Click
16	GAS	Dầu khí	Mua	12/1/22	103.3	130.0	108.0	4,381	24.7	4.0	Click
17	GAS	Dầu khí	Mua	6/9/21	90.4	109.4	108.0	4,381	24.7	4.0	Click
18	HAX	Ô tô	Mua	23/12/21	29.1	37.0	33.0	3,134	10.5	2.3	Click
19	HPG	VLXD	Mua	25/5/21	65.4	76.5	46.2	7,708	6.0	2.3	Click
20	HSG	VLXD	Theo dõi	14/5/21	37.4	47.8	37.2	8,581	4.3	1.6	Click
21	HUT	XD-BDS	Theo dõi	20/5/21	6.5	7.6	44.2	157	282.0	4.0	Click
22	ITC	Bất động sản	Mua	29/11/21	22.4	27.4	18.0	1,520	11.8	0.8	Click
23	ITC	Bất động sản	Mua	29/11/21	22.4	27.4	18.0	1,520	11.8	0.8	Click
24	ITD	CNTT	Mua	17/9/21	20.8	28.1	16.3	689	23.7	1.2	Click
25	KDH	Bất động sản	Theo dõi	31/8/21	39.8	N/A	50.0	1,833	27.3	3.2	Click
26	LHG	BDS khu CN	Theo dõi	22/7/21	49.2	55.7	49.9	5,898	8.5	1.7	Click
27	MSH	Dệt may	Mua	13/5/21	50.6	66.4	79.2	8,820	9.0	2.8	Click
28	MWG	Bán lẻ	Mua	23/11/21	138.6	154.4	131.4	6,936	18.9	4.6	Click
29	NKG	Thép	Nắm giữ	1/9/21	39.5	46.5	46.5	10,793	4.3	1.8	Click
30	NLG	Bất động sản	KQ	11/11/21	61.2	66.5	54.0	3,055	17.7	2.3	Click
31	NT2	Điện	Theo dõi	9/9/21	21.7	24.7	22.6	1,778	12.7	1.5	Click
32	PC1	Điện	Mua	7/6/21	26.8	32.8	44.1	2,997	14.7	2.2	Click
33	PNJ	Bán lẻ	Mua	25/11/21	105.7	126.1	102.9	4,543	22.7	3.9	Click
34	PNJ	Bán lẻ	Mua	25/11/21	105.7	126.1	102.9	4,543	22.7	3.9	Click
35	POW	Điện	Theo dõi	18/5/21	12.0	13.8	16.4	759	21.6	1.3	Click
36	PVI	Bảo hiểm	Mua	7/2/22	49.2	59.3	49.7	3,543	14.0	1.5	Click
37	PVS	Dầu khí	Mua	13/1/22	28.5	36.0	35.2	1,260	27.9	1.4	Click
38	SGP	Cảng biển	Mua	13/7/21	21.1	25.0	35.4	1,064	33.3	3.6	Click
39	SMC	Bán lẻ	Mua	13/5/21	39.6	48.6	39.8	14,369	2.8	1.0	Click
40	SZC	BDS khu CN	Mua	23/11/21	50.0	62.7	72.5	3,013	24.1	4.9	Click
41	TCD	Xây dựng	Mua	29/11/21	32.3	40.0	25.3	2,375	10.7	3.6	Click
42	VGI	Dệt may	Theo dõi	21/5/21	16.8	19.0	24.5	570	43.0	2.0	Click
43	VHC	Thủy sản	Mua	29/10/21	62.5	80.1	85.0	6,052	14.0	2.7	Click
44	VNM	Tiêu dùng bán lẻ	Mua	19/8/21	90.0	105.6	77.2	4,518	17.1	4.9	Click
45	VRE	Bất động sản	Theo dõi	16/8/21	28.1	34.1	31.8	578	54.9	2.4	Click
46	VSC	Cảng biển	Mua	10/9/21	63.8	77.0	44.0	3499.1	12.6	1.8	Click
47	VSH	Điện	Mua	30/9/21	27.7	35.0	28.4	1,646	17.3	1.7	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Triển vọng ngành dầu khí 2022		x	Click
2	BSC_Vietnam Sector Outlook 2022		x	Click
3	Cơ hội từ Đầu tư công	x		Click
4	Vĩ Mô Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
5	BSC_Vietnam Marco Market Outlook 2022	x		Click
6	Ngành Phân bón_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
7	Vĩ Mô Thị trường Tháng 11.2021	x		Click
8	Ngành Ngân hàng_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
9	Chuyển dịch hàng hóa CN nặng & Cơ hội TTCK	x		Click
10	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2021		x	Click
11	Vĩ Mô Thị trường Tháng 10.2021	x		Click
12	Cơ hội sau giãn cách xã hội	x		Click
13	Vĩ mô Thị trường Quý III 2021	x		Click
14	Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2021	x		Click
15	Quan hệ thương mại và đầu tư của Hoa Kỳ và Việt Nam	x		Click
16	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2021		x	Click
17	Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
18	Covid làn sóng thứ 4	x		Click
19	Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
20	Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
21	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
22	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
23	Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
24	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
25	Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
26	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
27	Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
28	Banking Sector Outlook		x	Click
29	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
30	Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
31	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
32	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
33	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
34	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
35	Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
36	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click
37	Vietnam Sector Outlook 4Q2020		x	Click
38	Triển vọng ngành Bất động sản 2021		x	Click
39	Luật VAT Sửa đổi cho ngành phân bón		x	Click
40	Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
41	Bầu cử Hoa Kỳ 2020	x		Click
42	Fishery Outlook 2021		x	Click
43	Cơ hội thu hút dòng tiền của Việt Nam sau MSCI Review	x		Click
44	Báo cáo Triển vọng ngành thép 2020		x	Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu
Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639